TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1336/2026/DS-ST
Ngày: 11/6/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tú.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thanh Phúc
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 4 -Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1205/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2026/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 247/2026/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ trước đây là 266-268 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Nhật Kinh K, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Kiều Tuấn V, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số F B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ trước đây là Số F B, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và bản tự khai của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/12/2020 ông Nguyễn Kiều Tuấn V có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.4

%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Nguyễn Kiều Tuấn V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 153.289.073 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Nguyễn Kiều Tuấn V phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Nguyễn Kiều Tuấn V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 124.624.344 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Kiều Tuấn V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Kiều Tuấn V vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/04/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 37.532.054 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 11/06/2026, ông Nguyễn Kiều Tuấn V còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm):

Nợ gốc: 37.532.054 đồng

Lãi quá hạn: 68.818.064 đồng

Tổng cộng: 106.350.118 đồng

(Bằng chữ: Một trăm lẻ sáu triệu, ba trăm năm mươi ngàn, một trăm mười tám đồng chẵn) tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 37.532.054 đồng với lãi suất quá hạn là 3.6 %/ tháng (2.4 % x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Nguyễn Kiều Tuấn V, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông

Nguyễn Kiều Tuấn V vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông Nguyễn Kiều Tuấn V:

Buộc ông Nguyễn Kiều Tuấn V phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/06/2026 là 106.350.118 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu, ba trăm năm mươi ngàn, một trăm mười tám đồng chẵn) trong đó:

Nợ gốc: 37.532.054 đồng

Lãi quá hạn: 68.818.064 đồng

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 12/6/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2/ Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Kiều Tuấn V không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án, vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và phiên tòa hôm nay.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay là đã tuân thủ đúng, đầy đủ quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do và nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/12/2020 có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về hợp đồng vay tài sản giữa tổ chức tín dụng với khách hàng theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP

ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ trước đây là Phường A, Quận A) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, Tòa án triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 16/12/2020, tóm tắt sao kê của ông V do Ngân hàng cung cấp có cơ sở xác định ông V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 153.289.073 đồng và ông V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền (bao gồm nợ gốc, lãi, lãi phạt) là 124.624.344 đồng, từ ngày 05/12/2021 đến nay ông V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Do đó có cơ sở xác định ông V vi phạm nghĩa vụ trả nợ và còn nợ của nguyên đơn tính đến ngày 11/6/2026 tổng số tiền gốc, lãi quá hạn là 106.350.118 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu, ba trăm năm mươi nghìn, một trăm mười tám đồng).

- Căn cứ tại mục 21 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân ngày 29/11/2019 của Ngân hàng TMCP S quy định: *"Thứ tự ưu tiên thanh toán Trừ trường hợp S1 có quy định khác, việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: a) Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; b) Giao Dịch Rút Tiền Mặt/tương đương Rút Tiền Mặt của kỳ trước; c) Giao Dịch Mua Hàng Hoá/Thanh Toán Thẻ Trực Tuyến của kỳ trước; d) Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; e) Giao Dịch Rút Tiền Mặt/tương đương Rút Tiền M trong kỳ; f) Giao Dịch Mua Hàng Hoá/Thanh Toán Thẻ Trực Tuyến trong kỳ*".

- Căn cứ tại mục 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định: *Cách tính lãi: 23.1 Chủ Thẻ đồng ý thanh toán lãi phát sinh trên Thẻ. Lãi được tính như sau: a) Đối với Giao Dịch Mua Hàng Hóa/Thanh Toán Thẻ Trực Tuyến (không áp dụng với Thẻ nội địa, phí, lệ phí): Nếu Chủ Thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ Số Tiền Đến Hạn vào hoặc trước Ngày Đến Hạn, Chủ Thẻ phải thanh toán lãi cho S1 đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong TBGD hiện tại và bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trên Thẻ cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn ghi trong TBGD mới nhất được thanh toán vào hoặc trước Ngày Đến Hạn. Lãi được tính từ ngày Chủ Thẻ thực hiện giao dịch cho đến hết ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ. Nếu Chủ Thẻ thanh toán toàn bộ Số Tiền Đến Hạn vào hoặc trước Ngày Đến*

Hạn theo TBGD thì Chủ Thẻ được miễn lãi đối với tất cả các giao dịch tại TBGD hiện tại. Giao Dịch Rút Tiền Mặt/Tương Đương Rút Tiền M: Lãi được tính từ ngày Chủ Thẻ thực hiện giao dịch cho đến hết ngày Chủ Thẻ thanh toán toàn bộ số tiền đã sử dụng/đã rút. 23.2 S1 có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho Chủ T".

Hai bên thỏa thuận mức lãi suất trong hạn: 2.4%/tháng; lãi suất quá hạn: 3.6%/tháng (2.4% x 150%) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*.

- Xét tại mục 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định: *"vi phạm:*

24.1. Việc không thanh toán ít nhất Số Tiền Tối Thiểu của Chủ Thẻ cho đến kỳ TBGD tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng.

24.2 Nếu Chủ Thẻ có nhiều hơn một Thẻ tại S1, việc vi phạm ở một Thẻ sẽ tự động được xem như là vi phạm ở tất cả Thẻ khác.

24.3 Trường hợp Chủ Thẻ có bất kỳ khoản nợ nào khác tại S1 và/hoặc tại bất cứ tổ chức tín dụng nào khác phát sinh quá hạn, Dư Nợ của Chủ Thẻ theo Hợp Đồng này cũng được xem là quá hạn và Chủ Thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ Dư Nợ.

24.4 Khi vi phạm xảy ra, Chủ Thẻ hiểu và đồng ý rằng S1 có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

a) Tạm ngưng hoặc Chấm Dứt sử dụng Thẻ và thu hồi toàn bộ Dư Nợ;

b) Áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của S1. Sau 75 ngày kể từ ngày lập TBGD hoặc sau 03 (ba) kỳ TBGD liên tiếp, nếu Chủ Thẻ không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn Số Tiền Tối Thiểu, S1 sẽ chấm dứt việc sử dụng thẻ của Chủ Thẻ.

c) Tiến hành các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ kể cả việc gọi điện thoại/gửi văn bản cho bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào để thông báo về việc vi phạm của Chủ T và yêu cầu hỗ trợ điều tra, xác minh và/hoặc khởi kiện Chủ Thẻ;

d) Chủ T đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang ủy quyền cho S1 thay mặt Chủ Thẻ để ký bất kỳ/tất cả tài liệu và thực hiện bất kỳ/tất cả các hành động cần thiết để thu nợ của Chủ Thẻ;

e) Đưa tên của Chủ Thẻ vào danh sách các Chủ Thẻ vi phạm (hoặc các loại danh sách tương tự) của S1, của bất kỳ CQNN hoặc tổ chức nào khác; và

f) Có quyền ưu tiên so với các chủ nợ khác trong việc, theo thủ tục hợp pháp, truy đòi bất kỳ khoản nợ nào của Chủ Thẻ tại S1 bằng việc giữ lại bất kỳ số tiền hoặc bất kỳ tài sản nào được giữ bởi S1 hoặc bởi S1 thay mặt cho Chủ T".

Xét thấy, đến nay đã quá thời hạn thực hiện nghĩa vụ của các đợt thanh toán nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của mỗi kỳ trả nợ.

Từ những chứng cứ nêu trên, căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là 5.317.506 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;
- Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;
- Căn cứ Điều 1 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ T2, Bộ Tư pháp hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Nguyễn Kiều Tuấn V phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/6/2026 là 106.350.118 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu, ba trăm năm mươi nghìn, một trăm mười tám đồng) trong đó:

Nợ gốc: 37.532.054 đồng

Lãi quá hạn: 68.818.064 đồng

Trả một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Kiều Tuấn V phải trả tiền lãi tính từ ngày 12/6/2026 cho đến khi ông Nguyễn Kiều T1 V trả hết nợ theo mức lãi suất thoả thuận quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/12/2020 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Kiều Tuấn V phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.317.506 đồng (Năm triệu, ba trăm mười bảy nghìn, năm trăm lẻ sáu đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.135.186 đồng (Hai triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, một trăm tám mươi sáu đồng) theo biên lai thu tiền số 0037261 ngày 11/11/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về thời hạn kháng cáo: Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Kiều Tuấn V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV4 TP.HCM;
- Phòng THADS KV4 TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Từ Thị Minh Tú